TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HS-ST
Ngày 28-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thế Dũng - Giáo viên trường Trung học cơ sở N, thành phố P, tỉnh Gia Lai và bà Doãn Thị Lệ - Cán bộ hưu trí phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thúy Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Dương Anh K, sinh năm 1995 tại Gia Lai; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Công L và bà Phạm Thị Thu C; chưa có vợ và con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 06/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

* *Bị hại*: Anh Trần H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 14, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Cháu Đào Vĩnh H, sinh ngày 01/9/2003; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người giám hộ của cháu Đào Vĩnh H đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Đào Kim S, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Phạm Hữu Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 15, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Dương Huy T, sinh năm 1988; địa chỉ: Làng N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Phùng Đức M, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 05, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Phạm Hữu Í, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* *Người làm chứng*:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 14, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Nam T, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 14, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Chị Lê Thị Thúy H là bạn gái của Dương Anh K có thuê phòng trọ ở tại 80B đường Đ, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vào ngày 01/01/2018, do chị H đi chơi tại H nên nhờ K đến ở trông coi phòng trọ giúp chị H. Vào khoảng 13 giờ ngày 02/01/2018, K cùng Đào Vĩnh H và anh Phạm Hữu Đ ngồi uống cà phê tại quán nước ở phía trước khu phòng trọ. Do không có tiền tiêu xài nên K nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản. Lúc này, K gọi H vào phòng trọ rồi K nói với H:*"Giờ đi đến tiệm vàng, giả vờ hỏi mua vàng rồi giật vàng bỏ chạy"* thì H đồng ý. Do K và H không có xe để đi và H không có điện thoại di động để liên lạc nên K đi ra quán nói với anh Đ: *"Cho em mượn xe đi lấy tiền, xíu em về, cho em mượn điện thoại đưa cho thằng H đi lấy tiền cho em, có gì còn gọi"*. Anh Đ tin tưởng K nói thật nên đã đưa cho K mượn xe mô tô biển số 81H6-5217 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại X1. Sau đó, K đưa cho H chiếc điện thoại mà K đã mượn của anh Đ và đưa xe mô tô cho H đi, còn K đón xe taxi (không rõ hãng xe và họ tên của người lái xe) chở K đến trước tiệm vàng X ở 12 đường L để quan sát. Kiệt xuống xe taxi, K đi bộ vào hẻm gần tiệm vàng X thì thấy hẻm cụt, không có đường chạy nên K đi bộ đến đầu hẻm T (sát trường Trung học phổ thông L) ngồi chờ thì gặp H điều khiển xe mô tô chạy đến. H nói với K: *"Đường này cụt, với lại đông người không làm được, hay là xuống T"*, K nói: *"Chờ cho vắng người đã"*. K và H đứng chờ khoảng 10 phút, H lại nói xuống

tiệm vàng T thì K hỏi: *"T ở đâu?"*, Hưng nói: *"Ở đường N, gần tiệm điện thoại T"* thì K đồng ý và nói với H: *"Có 01 cái mũ bảo hiểm thôi, nên để tao đi xe máy, còn mày đi taxi đến"*. Sau đó, K điều khiển xe mô tô đi đến trước tiệm điện thoại T đứng chờ H đi xe taxi đến. Khi H đến thì H chỉ cho K tiệm vàng T ở số nhà 239 đường N, rồi chỉ K đi vào đứng chờ tại hẻm số 245 đường N. Lúc này, khoảng 15 giờ cùng ngày, K điều khiển xe mô tô chạy đến đứng chờ H tại hẻm trước số nhà 245/2 đường N, còn H đi bộ vào tiệm vàng T. Khi vào tiệm gặp anh Trần H (là chủ tiệm), H hỏi mua một lắc đeo tay nam, bằng vàng tây và nói anh Trần H lấy đưa cho H xem cái to nhất. Anh H lấy một lắc tay trong tủ trưng bày ra cầm trên tay và nói với H: *"Cái này là to nhất rồi"*. Sau đó, anh Trần H cân vàng rồi nói chiếc lắc tay này giá 19.500.000 đồng. Do lúc này anh Trần H đang bán hàng cho khách nên anh Trần H cất chiếc lắc tay vào tủ trưng bày. H đứng xem một lúc rồi đi bộ ra gặp K và nói:*"Hỏi dây lắc đeo tay nhưng ông chủ không đưa, giờ sao anh?"*, K nói: *"Hay quay về tiệm vàng X"*, H nói: *"Không được, trên đó đông người lắm, ở đây vắng người dễ làm"*. Sau đó, H tiếp tục đi bộ quay lại tiệm vàng T và nói anh Trần H: "*Chú cho cháu coi sợi dây hồi nãy coi đẹp không?"*. Anh Trần H lấy chiếc lắc ra ướm vào tay anh Trần H để cho H xem rồi lại cất vào trong tủ trưng bày. H đứng coi khoảng 05 phút thì H quay ra nói với K:*"Ổng vẫn không chịu đưa"*. Lúc này có người đi đường qua lại nên K chở H đến đường L thì dừng xe lại. Tại đây, K nói với H: *"Giờ mày gọi taxi đi qua, cầm ví của tao trên tay để người ta tin là mình mua, xong rồi cầm ví về vì bên trong có giấy tờ"*, H đồng ý và cầm chiếc ví của K. Lúc này, K điều khiển xe mô tô quay lại đứng chờ H tại trước số nhà 245/2 đường N, còn H lấy chiếc điện thoại mà K mượn của anh Đ rồi gọi xe taxi của hãng Sun đến chở. Lúc này, anh N (là lái xe của hãng taxi Sun) đang đỗ xe tại vòng xoay ngã ba đường L - N thì nghe tổng đài hãng taxi Sun báo đón khách tại số 48 đường L nên anh V điều khiển xe đi đến. Đến nơi, H nói anh V chở H đến chợ P. Khi anh V chở H đến chợ P thì H lại nói anh V chở đến đường N. Khi đi đến đoạn đối diện tiệm vàng T thì H nói anh V dừng xe bên đường chờ, còn H đi bộ qua đường rồi vào tiệm vàng T. Khi vào tiệm, H cầm chiếc ví trên tay và hỏi anh Trần H: *"Sợi dây lúc nãy bao nhiêu chú?",* anh Trần H nói: *"Mười chín triệu năm trăm"*, H nói: *"Đưa cháu xem thử"* và để chiếc ví trên mặt kính của tủ trưng bày. Lúc này, anh Trần H nghĩ là H mua nên lấy 01 lắc đeo tay dạng mắt xích dẹp, vàng 18K, trọng lượng 07 chỉ đưa cho H xem. Ngay lúc này, H lấy ví bỏ vào túi quần và cầm chiếc lắc vàng rồi bỏ chạy đến chỗ K chờ, K nổ xe và chở H tẩu thoát. Khi chạy đến cuối hẻm 34/38 đường H (sát cánh đồng lúa thuộc Tổ 14, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai) thì đường cụt nên K dừng lại, rút lấy chìa khóa xe rồi bỏ xe ở lề đường. Sau đó, K nói với H: *"Đưa sợi dây tao cầm cho"* thì H đưa sợi dây cho K. H cởi áo khoác, mũ lưỡi trai vứt xuống mương nước gần đó, rồi mỗi người chạy một hướng. H chạy băng qua cánh đồng đến Khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai, rồi H đón taxi đi về khu phòng trọ ở số 80B đường Đ thì gặp anh Đ nên H trả điện thoại di động cho anh Đ. Anh Đ nói với H: *"Thằng K đâu?"*, H nói: *"Ảnh về sau"*, rồi anh Đ đi về phòng trọ ở số 12/13 đường C, phường P, thành phố P. Sau đó, H đi ra trốn ở phía sau khu phòng trọ. Đối với K, khi chạy qua cánh đồng lúa đến đầu đường hẻm

119B đường T, phường P, thì K gọi điện thoại cho ông Phùng Đức M (làm nghề lái xe ôm, là người quen của K) nói đến gặp K nhờ có việc. Khi ông M đến nơi, K lấy chiếc lắc đeo tay vừa cướp giật được đưa cho ông M, nhờ ông M mang đến tiệm vàng X bán dùm thì ông M đồng ý. Ông M mang chiếc lắc đeo tay trên đến tiệm vàng X bán nhưng chủ tiệm không mua nên ông M đi ra ngoài gọi điện thoại nói cho K biết. Lúc này, K đón xe taxi đến gặp ông M lấy lại chiếc lắc đeo tay trên, rồi K cầm vào tiệm vàng X bán cho bà Nguyễn Thị L (là chủ tiệm) được 13.300.000 đồng. Sau đó, K đón taxi chở về phòng trọ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh Đ gọi điện thoại cho K hỏi xe nên K gọi xe taxi chở đi đến phòng trọ của anh Đ. Anh Đ hỏi: *"Xe đâu mà đi taxi?"*, K nói: *"Xe để dưới kia, do bị người ta rượt đánh"*. K nói anh Đ lên xe taxi chở đi lấy xe. Khi đi đến đầu hẻm 34/38 đường H, tổ 14, phường P, thành phố P thì K nói xe taxi dừng lại. K đưa chìa khóa xe cho anh Đ và nói: *"Xe em để dưới hẻm, anh xuống lấy đi"* nên anh Đ đi đến cuối hẻm lấy xe rồi đi về, còn K đi taxi về phòng trọ của chị H ở 80B đường Đ. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, H vào phòng trọ gặp K, H nói với K: *"Sợi dây bán được bao nhiêu? Đưa tiền em đi Kon Tum"* thì K nói: *"Cầm 2.100.000 đồng đi Kon Tum đi, còn nợ của mày để tao lo"*. Sau đó, K gọi xe taxi (không nhớ hãng xe và họ tên của người lái xe) đến đón H và K đã đưa cho H 2.100.000 đồng để H đi Kon Tum và H đã tiêu xài hết. Số tiền 11.200.000 đồng còn lại, K đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 06/01/2018, Dương Anh K, Đào Vĩnh H ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã thu giữ của K chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Philips, vỏ màu đen cùng 02 sim số và đã thu giữ của anh Phạm Hữu Đ chiếc xe mô tô biển số 81H6 - 5217, kiểu xe Wave và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại X1, vỏ màu đen cùng 01 sim số.

Sau khi mua chiếc lắc tay bằng vàng 18K của Dương Anh K, bà Nguyễn Thị L đã gom chung với số vàng khác nấu thành nguyên khối, rồi chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh để đổi vàng thành phẩm nên Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc lắc vàng nêu trên.

Bị cáo Dương Anh K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Anh K thống nhất như cáo trạng đã truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo.

2. Các vấn đề khác:

Ngày 04/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P ra yêu cầu định giá tài sản, tại Bản kết luận về việc định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, đã kết luận:

"*01 (Một) lắc đeo tay dạng mắt xích làm bằng vàng 18K, trọng lượng 07 chỉ; có trị giá 18.200.000 đồng/07 chỉ*.".

Chiếc xe mô tô biển số 81H6 - 5217 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại X1 là của anh Phạm Hữu Đ. Sau khi K mượn xe mô tô và điện thoại,

rồi sử dụng xe và sử dụng điện thoại liên lạc để đi cướp giật tài sản thì anh Đ không biết nên Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Phạm Hữu Đ.

Đối với chiếc điện thoại di động cùng 02 sim số đã thu giữ của Dương Anh K, xác định: Kiệt đã dùng chiếc điện thoại này gọi cho ông Minh để nhờ ông M đi bán chiếc lắc vàng đã cướp giật được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về những kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 79/CT-VKS ngày 02/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Dương Anh K về tội "*Cướp giật tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Dương Anh K và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Dương Anh K với mức án từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2018.

Về dân sự: Bị hại là anh Trần H yêu cầu bồi thường giá trị của chiếc lắc vàng 18K đã bị chiếm đoạt với số tiền 19.500.000 đồng. Quá trình điều tra vụ án, do có sự tác động của bị cáo Dương Anh K nên ngày 12/3/2018, anh Dương Huy T (là anh ruột của Dương Anh K) đã bồi thường cho anh Trần H 9.750.000 đồng; ngày 27/4/2018, ông Đào Kim S (là ông ngoại của Đào Vĩnh H) đã bồi thường cho anh Trần H 5.000.000 đồng. Hiện anh Trần H không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo phải nộp 1.450.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Philips E105 màu đen kèm 02 sim số, số Imei 861276036366213, nắp sau bị bể.

Về án phí: Buộc bị cáo Dương Anh K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Dương Anh K phạm tội như sau:

Sau khi Dương Anh K và Đào Vĩnh H đã có sự thống nhất về việc K đứng chờ ở ngoài, còn H vào tiệm vàng giả vờ hỏi mua rồi giật lấy và bỏ chạy ra xe mô tô K chờ sẵn để tẩu thoát. Vào khoảng 15 giờ ngày 02/01/2018, tại tiệm vàng T ở số nhà 239 đường N, tổ 14, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Đào Vĩnh H đã thực hiện hành vi giật 01 chiếc lắc tay làm bằng vàng 18K, trọng lượng 07 chỉ có giá trị 18.200.000 đồng của anh Trần H, rồi chạy ra xe mô tô Dương Anh K chờ sẵn và K điều khiển chở H tẩu thoát. Sau đó, K bán chiếc lắc vàng này được 13.300.000 đồng, K và H chia nhau và đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 06/01/2018, Dương Anh K ra đầu thú.

Hành vi giật tài sản, rồi nhanh chóng tẩu thoát do Dương Anh K cùng với Đào Vĩnh H thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an xã hội. Với việc thực hiện hành vi này, bị cáo Dương Anh K đã phạm tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; sau khi phạm tội đã ý thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và đến Công an thành phố P đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015

được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về dân sự: Quá trình tham gia tố tụng, anh Dương Huy T đã bồi thường 9.750.000 đồng và ông Đào Kim S đã bồi thường 5.000.000 đồng cho anh Trần H, anh Trần H không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết về vấn đề này.

[5] Về các biện pháp tư pháp: Trong vụ án này, bị cáo Dương Anh K bán chiếc lắc đeo tay được 13.300.000 đồng, bị cáo K đưa cho H 2.100.000 đồng và bị cáo K đã sử dụng hết 11.200.000 đồng.

Chiếc lắc tay có giá trị 18.200.000 đồng, bị cáo K đã tác động gia đình bồi thường 9.750.000 đồng và ông S đã bồi thường 5.000.000 đồng cho anh Trần H, anh Trần H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 3.450.000 đồng còn lại.

Vì bị cáo Kiệt thu lợi bất chính 1.450.000 đồng từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo K phải nộp 1.450.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Philips E105 màu đen kèm 02 sim số, số Imei 861276036366213, nắp sau bị bể đã thu giữ của Dương Anh K, qua điều tra xác định, bị cáo đã dùng chiếc điện thoại này gọi cho ông M để nhờ ông M đi bán chiếc lắc vàng đã cướp giật được nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với Đào Vĩnh H là người đã cùng Dương Anh K thực hiện hành vi cướp giật tài sản, nhưng do H sinh ngày 01/9/2003, tính đến thời điểm thực hiện hành vi cướp giật tài sản thì H mới 14 tuổi 4 tháng 01 ngày. Theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm nghiêm trọng. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không khởi tố bị can đối với Đào Vĩnh H là có căn cứ.

Đối với ông Phùng Đức M là người được K nhờ mang chiếc lắc đeo tay đến tiệm vàng X bán nhưng ông M không biết là tài sản do K và H cướp giật mà có nên không có căn cứ xử lý đối với ông M.

Đối với bà Nguyễn Thị L là người đã mua chiếc lắc tay do K và H cướp giật được của anh Trần H. Tuy nhiên, khi mua bà L không biết đó là tài sản do K và H cướp giật mà có nên không có cơ sở để xử lý bà L về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với anh Nguyễn Thanh V là người lái xe taxi đã chở H đến trước tiệm vàng T nhưng anh V không biết H vào để cướp giật tài sản nên không có căn cứ xử lý đối với anh V.

Đối với anh Phạm Hữu Đ là người đã cho K mượn chiếc xe mô tô biển số 81H6 - 5217 và chiếc điện thoại di động nhưng anh Đ không biết K, H đã sử dụng xe mô tô và điện thoại để đi cướp giật tài sản nên không có căn cứ xử lý đối với anh Đ.

Đối với chị Lê Thị Thúy H là người thuê phòng ở tại 80B đường Đ, phường I, thành phố P. Vào ngày 02/01/2018, chị H đã đi Hà Nội và nhờ K đến trông coi phòng. Việc K và H rủ nhau đi thực hiện hành vi phạm tội và mang tiền bán tài sản do cướp giật được về phòng chia nhau thì chị H không biết nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo Dương Anh K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Anh K.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Dương Anh K phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Dương Anh K 18 (*mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2018.

3. Về các biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Dương Anh K phải nộp 1.450.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Philips E105 màu đen kèm 02 sim số, số Imei 861276036366213, nắp sau bị bể của bị cáo Dương Anh K.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/5/2018 giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P)

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Dương Anh K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và anh Dương Huy T có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền